

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H
2. Ông Nguyễn Vĩnh L

-T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim -T ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xét xử phiên tòa trực tuyến sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Tân Chánh A, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và lời khai bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H có tình cảm và tổ chức đám cưới, đến ngày 02/8/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng sống không hợp tính tình và không có tiếng nói chung, vì vậy mâu thuẫn tình cảm ngày càng gay gắt, đến năm 2016 bà sống ly thân ông H. Nay bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà sống với ông H có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Tố Tr, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Thi Th, sinh năm 1995, Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/10/2003 và Nguyễn Văn Trường N, sinh ngày 24/12/2005. Nay cháu Tr, cháu Th và cháu T đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, còn riêng cháu N còn nhỏ nên bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H: Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 74/2022/TB-TLVA ngày 18 tháng 5 năm 2022 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, nhưng ông H vắng mặt không và không có lý do, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với ông Nguyễn Văn H, Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 hợp lệ, nhưng ông H cố tình vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2] Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay bà L xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn bà L về bên gia đình cha mẹ của ông H sinh sống, trong lúc này hai bên sống hạnh phúc được thời gian dài, cho đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy nguyên nhân do ông H Tòe hay cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, việc này bà L có khuyên ngăn nhưng ông H không sửa đổi, nên mâu thuẫn tình cảm vợ chồng càng trầm trọng. Sự việc này được cha mẹ hai bên giàn xếp nhưng không đạt kết quả, vì vậy đến năm 2016 bà L sống ly thân với ông H.

Đối với ông Nguyễn Văn H, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến của đương sự trong vụ án ly hôn, nhưng đến nay ông H không có văn bản hay ý kiến về việc bà L xin ly hôn, cũng như ông H cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà L với ông H không đạt được và cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, tại phiên tòa bà L yêu cầu xin ly hôn

ông H có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[2.3] Về con chung: Tại phiên tòa bà L trình bày trong thời gian sống với ông H có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Tố Tr, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Thi Th, sinh năm 1995, Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/10/2003 và cháu Nguyễn Văn Trường N, sinh ngày 24/12/2005. Đối với cháu Tr, Th và T đến nay đã thành niên cho nên bà L không yêu cầu giải quyết, còn đối với cháu N nay bà yêu cầu được nuôi. Xét thấy đối với cháu Tr, cháu Th và cháu T đã trưởng thành, do đó bà L không yêu cầu giải quyết là có phù hợp, nên không xem xét. Còn cháu N hiện nay chưa đến tuổi trưởng thành, nên bà L yêu cầu được nuôi, nhưng ông H không có văn bản hay ý kiến gì về việc bà L yêu cầu nuôi con. Ngoài ra tại bản tự khai ngày 24/12/2005 cháu Nguyễn Văn Trường N có nguyện vọng sống chung với mẹ là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L có cơ sở.

[2.4] Phần cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy, chăm sóc và giáo dục cho con, tuy nhiên bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Văn Trường N, sinh ngày 24/12/2005; ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có đơn yêu cầu của cha, mẹ hoặc

cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004288 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, sang thành án phí.

Báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H